

Số: 929/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI.

Căn cứ vào các điều 149, 212; 213; 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 849/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ **Anh Lê Ngọc T**, sinh năm 1983.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn Hòa B, xã Hùng T, thành phố Hải Phòng.

2/ **Chị Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1982.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số nhà 28 tập thể Bệnh viện E, phường N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Cầu G, thành phố Hà Nội ngày 08/12/2010. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Anh chị đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] **Về con chung:** Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận có 03 con chung là Lê Lan C (Nữ), sinh ngày 10/8/2011, cháu Lê Hải B (Nam), sinh ngày 24/12/2013 và cháu Lê Lam A (Nữ), sinh ngày 08/4/2020. Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/con (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, ý chí nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

[3] **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] **Về nợ chung:** Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] **Về lệ phí ly hôn:** Anh Lê Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1.

- **Về con chung:** Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận có 03 con chung là Lê Lan C (Nữ), sinh ngày 10/8/2011, cháu Lê Hải B (Nam), sinh ngày 24/12/2013 và cháu Lê Lam A (Nữ), sinh ngày 08/4/2020. Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/con (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ:** Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Anh Lê Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí số **001404** ngày 12 tháng 06 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Hà Nội, nay chuyển thành lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - HN;
- Cơ quan Thi hành án khu vực 4;
- UBND phường Từ L, Hà Nội;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà

